

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2138 /TCT-CS
V/v trả lời vướng mắc về
thuế GTGT, thuế TNDN.

Hà Nội, ngày 17 tháng 6 năm 2010

Kính gửi: Hội tư vấn thuế Việt Nam

Tổng cục Thuế nhận được công văn số 22/HTVT ngày 22/4/2010 của Hội tư vấn thuế Việt Nam phản ánh một số vướng mắc về chính sách thuế, liên quan đến thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

1. Về thuế giá trị gia tăng (GTGT)

1.1. Về thuế GTGT đối với dịch vụ xuất khẩu

Điều 8 Luật thuế giá trị gia tăng năm 2008 quy định:

“1. Mức thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, vận tải quốc tế ..”

Điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định 123/2008/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thuế GTGT quy định:

“1. Mức thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu, vận tải quốc tế, hàng hoá, dịch vụ thuộc diện không chịu thuế giá trị gia tăng quy định tại Điều 5 Luật Thuế giá trị gia tăng khi xuất khẩu, trừ các hàng hoá, dịch vụ quy định tại điểm d khoản này.

...

b) Đối với dịch vụ xuất khẩu bao gồm dịch vụ cung ứng trực tiếp cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài hoặc ở trong khu phi thuế quan.

Tổ chức ở nước ngoài là tổ chức không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, không phải là người nộp thuế giá trị gia tăng tại Việt Nam.

Cá nhân ở nước ngoài là người nước ngoài không cư trú tại Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và ở ngoài Việt Nam trong thời gian diễn ra việc cung ứng dịch vụ.

Tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan là tổ chức, cá nhân có đăng ký kinh doanh và các trường hợp khác theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.”

Tại điểm 1.4 Phần A Thông tư 130/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp; tại điểm 2.1.1 Mục II Phần B Thông tư số 133/2004/TT-BTC ngày 31/12/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các Hiệp định tránh đánh thuế hai lần đối với các loại thuế đánh vào thu nhập và tài sản giữa Việt Nam với các nước có hiệu lực thi hành tại Việt Nam đã có quy định về cơ sở thường trú.

Điểm 5.1 Mục I Phần B Thông tư số 60/2007/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản lý thuế quy định:

“5. Khai bổ sung hồ sơ khai thuế:

5.1. Người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai sót, nhằm lẫn gây ảnh hưởng đến số thuế phải nộp thì được khai bổ sung hồ sơ khai thuế. Hồ sơ khai thuế bổ sung được nộp cho cơ quan thuế vào bất cứ ngày làm việc nào, không phụ thuộc vào thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của lần tiếp theo, nhưng phải trước khi cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế....”

Căn cứ quy định trên:

- Trường hợp cơ sở kinh doanh tại Việt Nam cung cấp dịch vụ cho tổ chức ở nước ngoài là tổ chức không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, không phải là người nộp thuế giá trị gia tăng tại Việt Nam (cơ sở thường trú được xác định theo quy định tại điểm 1.4 Phần A Thông tư 130/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp; điểm 2.1.1 Mục II Phần B Thông tư số 133/2004/TT-BTC ngày 31/12/2004 của Bộ Tài chính) và cơ sở kinh doanh tại Việt Nam có đủ điều kiện về hợp đồng ngoại, chứng từ thanh toán qua ngân hàng thì dịch vụ cung cấp cho tổ chức nước ngoài được áp dụng thuế suất 0%.

- Trường hợp do không nắm rõ tổ chức nước ngoài có phải là tổ chức có hay không có cơ sở thường trú tại Việt Nam hay không, để đảm bảo an toàn, cơ sở kinh doanh tại Việt Nam đã xuất hóa đơn GTGT tính thuế suất thuế GTGT 10% đối với dịch vụ xuất khẩu thì cơ sở kinh doanh phải kê khai nộp đủ thuế GTGT với thuế suất 10%. Trường hợp sau này cơ sở kinh doanh tại Việt Nam mới xác định được tổ chức nước ngoài là tổ chức không có cơ sở thường trú tại Việt Nam thì cơ sở kinh doanh được quyền khai bổ sung điều chỉnh hồ sơ khai thuế GTGT đã nộp nhưng phải trước khi cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế.

1.2. Về thuế GTGT đối với hoạt động kinh doanh bất động sản

Khoản 6 Điều 5 Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12 quy định: “Chuyển quyền sử dụng đất” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Khoản 3 Điều 4 Chương II Nghị định 123/2008/NĐ-CP ngày 8/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật thuế giá trị gia tăng quy định: “Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, giá tính thuế là giá chuyển nhượng bất động sản trừ (-) giá đất thực tế tại thời điểm chuyển nhượng. Trường hợp giá đất thực tế tại thời điểm chuyển nhượng thấp hơn giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định thì giá đất được trừ tính theo giá đất do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định tại thời chuyển nhượng bất động sản.

Trường hợp xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà để bán, chuyển nhượng hoặc cho thuê là số tiền thu được theo tiến độ thực hiện dự án hoặc tiến độ thu tiền ghi trong hợp đồng.”

Tại điểm 1.8 Mục I Phần B Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 hướng dẫn Luật thuế GTGT và Nghị định 123/2008/NĐ-CP quy định: “1.8. Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, giá tính thuế là giá chuyển nhượng bất động sản trừ (-) giá đất (hoặc giá thuê đất) thực tế tại thời điểm chuyển nhượng. Trường hợp giá đất tại thời điểm chuyển nhượng do người nộp thuế kê khai không đủ căn cứ để xác định giá tính thuế hợp lý theo quy định của pháp luật thì tính trừ theo giá đất (hoặc giá thuê đất) do UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định tại thời điểm chuyển nhượng bất động sản. Giá đất tính trừ để xác định giá tính thuế tối đa không vượt quá số tiền đất thu của khách hàng.”

Căn cứ quy định trên:

- Cơ sở kinh doanh chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nếu trên đất không có cơ sở hạ tầng, không có công trình kiến trúc, không có tài sản thì doanh thu từ việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

- Về việc xác định giá đất thực tế: Tại công văn 10383/BTC-TCT ngày 22/7/2009 của Bộ Tài chính đã có hướng dẫn, theo đó trường hợp việc xác định giá đất thực tế gặp khó khăn thì cơ sở kinh doanh bất động sản và khách hàng có thể tham khảo giá tại các Trung tâm giao dịch Bất động sản hoặc thuê thẩm định giá.

2. Về thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

- Về việc chuyển lỗ, chi phí lãi tiền vay, các khoản thu nhập chịu thuế khác và khoản tiền học cho con của người nước ngoài: Vấn đề này, Bộ Tài chính đã có công văn số 7250/BTC-TCT ngày 2/6/2010 hướng dẫn một số nội dung cần lưu ý khi quyết toán thuế TNDN năm 2009.

- Về tiền thưởng không mang tính chất tiền lương, tiền công: Theo Thông tư số 130/2008/TT-BTC thì tiền thưởng không mang tính chất tiền lương, tiền công là các khoản tiền thưởng mang tính chất đột xuất cho người lao động và không được ghi cụ thể điều kiện được hưởng trong hợp đồng lao động hoặc thoả ước lao động tập thể.

- Về đăng ký định mức tiêu hao nguyên vật liệu:

Theo quy định tại Khoản 1e Điều 9 Luật thuế TNDN số 14, Điểm 2.3 Mục IV Phần C Thông tư số 130/2008/TT-BTC thì: Mức tiêu hao hợp lý nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, hàng hoá sử dụng vào SXKD do doanh nghiệp tự xây dựng và thông báo cho cơ quan thuế. Trường hợp doanh nghiệp trong thời gian sản xuất kinh doanh có điều chỉnh bổ sung mức tiêu hao nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, hàng hoá thì doanh nghiệp phải thông báo cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp. Thời hạn cuối cùng của việc thông báo cho

cơ quan thuế việc điều chỉnh, bổ sung mức tiêu hao là thời hạn nộp tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp.

Như vậy theo quy định của Luật thuế TNDN và các văn bản hướng dẫn thi hành thì DN tự xây dựng mức tiêu hao NVL và thông báo mức tiêu hao NVL cho cơ quan thuế. Qua thảo luận cùng các Cục thuế về việc này, đa số ý kiến các Cục thuế đều đồng tình vì quy định này mang tính chất quản lý. Tuy nhiên Tổng cục Thuế ghi nhận ý kiến của Hội Tư vấn thuế Việt Nam để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét trong quá trình bổ sung sửa đổi chính sách.

3. Về thuế thu nhập cá nhân (TNCN): Tổng cục Thuế sẽ có văn bản trả lời riêng Hội tư vấn thuế Việt Nam những vướng mắc liên quan đến chính sách thuế TNCN.

Tổng cục Thuế trả lời để Hội tư vấn thuế Việt Nam biết./z

Nơi nhận: U

- Như trên;
- Vụ PC (BTC);
- Vụ PC (TCT);
- Lưu: VT, CS (3b).x

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG



Vũ Thị Mai